TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ RIỀNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **22**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 08/9/2017
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phán
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Viết Trung;
2. Ông Ninh Quốc Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước *tham gia phiên toà:* Ông Bùi Quang Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 152/2017/TLST - HNGĐ ngày 26/5/2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 16/8/2017 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 11/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 31/8/2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1974;

* *Bị đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm: 1975

Cùng địa chỉ: Thôn I, xã II, huyện III, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị T (sau đây gọi là ông C, bà T) tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, ngày 19/7/2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã II, huyện III, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do giữa ông C và bà T không có con chung dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi

vã nhau, bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Vì vậy, nay ông Nguyễn Văn C làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Trần Thị T.

- *Về con chung; tài sản chung và nợ chung*: Ông C và bà T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn bà Trần Thị T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong bản tự khai; phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bà T trình bày:*

Bà T thừa nhận như phần trình bày của ông C về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống, thời gian kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, bà T cho rằng tình cảm vợ chồng giữa ông C và bà T vẫn còn, bà T còn thương yêu ông C và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau chữa bệnh để sinh con. Nay ông C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, bà T không đồng ý ly hôn với ông C.

Về con chung; tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông C không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bị đơn bà Trần Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án hôn nhân và gia đình do nguyên đơn ông Nguyễn Văn C làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà Trần Thị T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn bà Trần Thị T có nơi cư trú tại xã Long Hưng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Riềng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị T mặc dù đã được Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Trần Thị T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị T xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã II, huyện III, tỉnh Thái Bình vào ngày 19/7/2012. Giao kết này làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xác định mâu thuẫn vợ chồng: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng ông C và bà T chung sống với nhau nhiều năm mà không có con chung, mặc dù nhiều năm vợ chồng đã đi khám và chữa bệnh nhiều nơi nhưng không có kết quả. Dẫn đến đời sống chung vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau, bất đồng quan điểm sống. Lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C phù hợp với nội dung Biên bản xác minh ngày 08/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng (tại bút lục số 21).

Về hòa giải đoàn tụ:

Trong quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng kể từ ngày 29/5/2017 đến nay bị đơn bà Trần Thị T không đến tòa án tham gia hòa giải mà không có lý do. Chứng tỏ bà T đã từ bỏ quyền yêu cầu Tòa án tiến hành việc hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã phân tích các nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, các hậu quả về xã hội và gia đình sau khi vợ chồng ly hôn, nhưng ông Nguyễn Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị T.

[3] *Căn cứ pháp lý:* Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng làm cho tình trạng hôn nhân trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng của ông C đối với bà T không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C đối với bị đơn bà Trần Thị T.

[4] *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 tuyên xử cho ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bà Trần Thị T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] ***Về con chung; tài sản chung và nợ chung:*** Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] ***Án phí hôn nhân sơ thẩm***: Ông C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 264 và Điều 266 của Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C.

Xử cho ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1974 được ly hôn với bà Trần Thị T , sinh năm 1975, cùng địa chỉ: Thôn I, xã II, huyện III, tỉnh Bình Phước.

Về con chung; tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*Ba trăm nghìn)* đồng ông C đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 025870 ngày 26/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- *VKSND H. Phú Riềng;*
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *Chi cục THADS H. Phú Riềng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Văn Phán